

ĐỀ BÀI KIỂM TRA SỐ 1
MÔN: SÁNG CHẾ - GIẢI PHÁP HỮU ÍCH
(Thời gian làm bài: 180 phút)

I. Phần Lý thuyết (5 điểm)

1. Anh (Chị) hãy cho biết Người nộp Đơn sáng chế/giải pháp hữu ích có thể nhận được những loại Thông báo bằng văn bản nào của Cục Sở hữu công nghiệp kể từ thời điểm nộp Đơn đến khi được cấp Văn bằng bảo hộ sáng chế/giải pháp hữu ích? (1,5 điểm)
2. Anh (Chị) hãy nêu các dữ kiện chính của từng loại Thông báo nêu trên? (1,5 điểm)
3. Anh (Chị) hãy nêu tất cả các thiếu sót về hình thức (kèm theo căn cứ pháp lý) trong Đơn sáng chế sau đây (Phụ lục 1) khiến cho Đơn bị coi là không hợp lệ? (2 điểm)

II. Phần Thực hành (5 điểm)

1. Anh (Chị) hãy lập 3 bản Yêu cầu bảo hộ sáng chế cho từng đối tượng dạng chất, cơ cấu và phương pháp dựa vào các Tình huống sau đây (Phụ lục số 2)? (3 điểm)
2. Anh (Chị) hãy lập Bản mô tả sáng chế cho 1 trong 3 đối tượng nêu ở câu hỏi II.1. trên đây? (1,5 điểm)
3. Anh (Chị) hãy lập Bản tóm tắt sáng chế cho 1 đối tượng được chọn ở câu hỏi II.2. nêu trên? (0,5 điểm)

ĐÁP ÁN ĐỀ BÀI KIỂM TRA SỐ 1
MÔN: SÁNG CHẾ - GIẢI PHÁP HỮU ÍCH

I. Phần Lý thuyết (5 điểm)

1. Người nộp Đơn sáng chế/giải pháp hữu ích có thể nhận được những loại Thông báo bằng văn bản sau đây của Cục Sở hữu công nghiệp kể từ thời điểm nộp Đơn đến khi cấp Văn bằng bảo hộ sáng chế/giải pháp hữu ích:
 - 1.1. Thông báo về việc Đơn không được tiếp nhận (đối với Đơn nộp qua bưu điện); **(0,25đ)**
 - 1.2. Thông báo chấp nhận Đơn; **(0,25đ)**
 - 1.3. Thông báo từ chối chấp nhận Đơn; **(0,25đ)**
 - 1.4. Thông báo kết quả xét nghiệm hình thức Đơn; **(0,25đ)**
 - 1.5. Thông báo yêu cầu sửa đổi, bổ sung tài liệu trong thời hạn xét nghiệm nội dung; **(0,25đ)**
 - 1.6. Thông báo kết quả xét nghiệm nội dung Đơn. **(0,25đ)**
2. Các dữ kiện chính của từng loại Thông báo nêu trên:
 - 1.1. Thông báo về việc Đơn không được tiếp nhận (đối với Đơn nộp qua bưu điện): Tên, địa chỉ Người nộp đơn; Tên Tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp (nếu Đơn được

nộp thông qua Tổ chức đó); Tên đối tượng nêu trong Đơn; Ngày nộp Đơn; Lý do Đơn không được tiếp nhận; Tên, chữ ký của Người ra Thông báo; Ngày ký Thông báo. **(0,25đ)**

1.2. Thông báo chấp nhận Đơn: Tên, địa chỉ Người nộp đơn; Tên Tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp (nếu Đơn được nộp thông qua Tổ chức đó); Tên đối tượng nêu trong Đơn; Số Đơn; Ngày nộp đơn hợp lệ; Ngày ưu tiên; Các thiếu sót mà Người nộp đơn cần phải sửa chữa; Thời hạn sửa chữa các thiếu sót; Tên, chữ ký của Người ra Thông báo; Ngày ký Thông báo; **(0,25đ)**

1.3. Thông báo từ chối chấp nhận Đơn: Tên, địa chỉ Người nộp đơn; Tên Tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp (nếu Đơn được nộp thông qua Tổ chức đó); Tên đối tượng nêu trong Đơn; Số Đơn; Ngày nộp Đơn hợp lệ; Ngày ưu tiên; Lý do từ chối chấp nhận Đơn (lý do để Đơn bị coi là không hợp lệ); Tên, chữ ký của Người ra Thông báo; Ngày ký Thông báo; **(0,25đ)**

1.4. Thông báo kết quả xét nghiệm hình thức Đơn: Tên, địa chỉ Người nộp đơn; Tên Tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp (nếu Đơn được nộp thông qua Tổ chức đó); Tên đối tượng nêu trong Đơn; Số Đơn; Ngày nộp Đơn hợp lệ; Ngày ưu tiên; Các thiếu sót mà Người nộp đơn cần phải sửa chữa; Thời hạn sửa chữa các thiếu sót; Tên, chữ ký của Người ra Thông báo; Ngày ký Thông báo; **(0,25đ)**

1.5. Thông báo yêu cầu sửa đổi, bổ sung tài liệu trong thời hạn xét nghiệm nội dung: Tên, địa chỉ Người nộp đơn; Tên Tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp (nếu Đơn được nộp thông qua Tổ chức đó); Tên đối tượng nêu trong Đơn; Số Đơn; Ngày nộp đơn hợp lệ; Ngày ưu tiên; Nội dung yêu cầu sửa đổi, bổ sung tài liệu; Thời hạn sửa đổi, bổ sung các tài liệu; Tên, chữ ký của Người ra Thông báo; Ngày ký Thông báo; **(0,25đ)**

1.6. Thông báo kết quả xét nghiệm nội dung: Tên, địa chỉ Người nộp đơn; Tên Tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp (nếu Đơn được nộp thông qua Tổ chức đó); Tên đối tượng nêu trong Đơn; Số Đơn; Ngày nộp đơn hợp lệ; Ngày ưu tiên; Lý do dự định từ chối cấp Văn bằng bảo hộ; hoặc Nội dung thông báo về việc đối tượng sở hữu công nghiệp đáp ứng các tiêu chuẩn bảo hộ nhưng phạm vi (khối lượng) bảo hộ phải thu hẹp hoặc Đơn còn có các thiếu sót; và/hoặc Nội dung yêu cầu Người nộp đơn nộp lệ phí công bố, đăng bạ và cấp văn bằng bảo hộ và lệ phí duy trì hiệu lực năm thứ nhất. **(0,25đ)**

3. Các thiếu sót về hình thức (kèm theo căn cứ pháp lý) trong Đơn sáng chế khiến cho Đơn bị coi là không hợp lệ:

(i) Tờ khai:

- Bản sao Tờ khai chưa được xác nhận hợp pháp theo quy định tại điểm 2.2 Thông tư 3055/TT-SHCN ngày 31.12.1996;

- Thiếu 2 bản Tờ khai (trái với quy định tại điểm 6.1.(i) Thông tư 3055/TT-SHCN ngày 31.12.1996);

- Tờ khai không có đủ thông tin về tác giả

(0,25đ)

(ii) Bản mô tả sáng chế:

- Thiếu 03 Bản mô tả sáng chế (trái với quy định tại điểm 6.1.(ii) 3055/TT-SHCN ngày 31.12.1996);

(0,25đ)

(iii) Yêu cầu bảo hộ:

- Thiếu 03 bản Yêu cầu bảo hộ 44 điểm như nêu trong Tờ khai (trái với quy định tại điểm 6.1.(iii) Thông tư 3055/TT-SHCN ngày 31.12.1996;

- Thiếu bản dịch các bản Yêu cầu bảo hộ (bản gốc và bản sửa đổi) sang tiếng Việt (trái với quy định tại điểm 23.5.(ii) Thông tư 3055/TT-SHCN ngày 31.12.1996);

- Người nộp đơn không bổ sung bản dịch các bản Yêu cầu bảo hộ trong thời hạn quy định tại điểm 6.2.(i) Thông tư 3055/TT-SHCN ngày 31.12.1996;

(0,25đ)

(iv) Thiếu 03 bộ bản vẽ, sơ đồ... để làm rõ bản chất của giải pháp kỹ thuật;

(0,25đ)

(v) Bản tóm tắt sáng chế:

- Thiếu 02 Bản tóm tắt sáng chế bằng tiếng Anh (trái với quy định tại điểm 6.1.(v) Thông tư 3055/TT-SHCN ngày 31.12.1996);

- Thiếu bản dịch Bản tóm tắt sang tiếng Việt (trái với quy định tại điểm 6.2.(i) Thông tư 3055/TT-SHCN ngày 31.12.1996);

- Người nộp đơn không bổ sung bản dịch Bản tóm tắt trong thời hạn quy định tại điểm 6.2.(i) Thông tư 3055/TT-SHCN ngày 31.12.1996;

(0,25đ)

(vi) Giấy uỷ quyền:

- Thiếu bản gốc Giấy uỷ quyền (trái với quy định tại điểm 6.2.(ii) Thông tư 3055/TT-SHCN ngày 31.12.1996);

- Người nộp đơn không bổ sung bản gốc Giấy uỷ quyền trong thời hạn quy định tại điểm 6.2.(ii) Thông tư 3055/TT-SHCN ngày 31.12.1996;

(0,25đ)

(vii) Thiếu 01 bản sao đơn đầu tiên ;

(0,25đ)

(viii) Thiếu bản dịch ra tiếng Việt của Báo cáo xét nghiệm sơ bộ quốc tế (trái với quy định tại điểm 23.5.(iii) Thông tư 3055/TT-SHCN ngày 31.12.1996);

(0,25đ)

II. Phân Thực hành (5 điểm)

1. **Yêu cầu bảo hộ** sáng chế đối với từng đối tượng phải được thí sinh thể hiện theo nguyên tắc sau đây:

- Mỗi yêu cầu bảo hộ phải được thí sinh viết thành một câu;

- Mỗi câu (yêu cầu bảo hộ) phải gồm có tên đối tượng **(0,25đ)**; tập hợp các dấu hiệu đã biết **(0,25đ)** và các dấu hiệu khác biệt **(0,25đ)** cần và đủ để xác định đối tượng; mục đích của đối tượng **(0,25đ)**.

(Tổng cộng: 3 điểm/3 Yêu cầu bảo hộ)

2. **Bản mô tả** sáng chế đối với từng đối tượng phải gồm có đầy đủ các nội dung sau đây:

2.1. Tên sáng chế: Đặt theo quy định tại điểm 5.e) Quy định số 308/ĐK ngày 11.06.1997 của Cục Sở hữu công nghiệp (Quy định 308/ĐK);

(0,25đ)

2.2. Lĩnh vực kỹ thuật được đề cập: Theo Quy định 308/ĐK;

(0,25đ)

2.3. Tình trạng kỹ thuật của sáng chế:

- (i) Nêu tóm tắt bản chất và chỉ ra nhược điểm, hạn chế của giải pháp kỹ thuật đã biết;
- (ii) Phân tích nhược điểm, hạn chế (chỉ ra nguyên nhân dẫn đến nhược điểm, hạn chế) của giải pháp kỹ thuật đã biết.

(0,25đ)

2.4. Bản chất kỹ thuật của sáng chế:

- (i) Nêu rõ mục đích mà sáng chế cần đạt tới hoặc vấn đề mà sáng chế cần giải quyết;
- (ii) Nêu rõ bản chất của giải pháp kỹ thuật bằng cách chỉ ra các dấu hiệu cơ bản của giải pháp kỹ thuật (theo Quy định 308/ĐK):

- Nêu được các dấu hiệu cơ bản của *sáng chế dạng chất* là:

- + tên các hợp phân tạo thành chất;
- + hàm lượng các hợp phân tạo thành chất;
- + phương pháp để thu được chất có các hợp phân nói trên;
- + đặc tính khác biệt để nhận dạng chất.

- Nêu được các dấu hiệu cơ bản của *sáng chế dạng cơ cấu* là:

- + tên chi tiết;
- + chức năng của chi tiết;
- + hình dạng của chi tiết;
- + cách liên kết các (cụm) chi tiết.

- Nêu được các dấu hiệu cơ bản của *sáng chế dạng phương pháp* là:

- + tên các công đoạn;
- + trình tự thực hiện các công đoạn;
- + các điều kiện kỹ thuật (nhiệt độ, áp suất, thời gian, chất xúc tác...) nhằm thực hiện các công đoạn;

(iii) Chỉ rõ các dấu hiệu cơ bản có tính mới so với giải pháp kỹ thuật có bản chất gần nhất.

(0,25đ)

2.5. Mô tả chi tiết sáng chế: Theo Quy định 308/ĐK

(i) Đối với *sáng chế dạng chất*: Thí sinh phải nêu rõ các nội dung sau đây:

- + Thành phần hoá học;
- + Tỷ lệ của các thành phần;
- + Tính chất của các thành phần;
- + Tác dụng của các thành phần;
- + Tác dụng của chất;
- + Phương pháp thu được chất;
- + Ví dụ thực hiện (đưa ra ít nhất một phương án tối ưu nhằm chứng minh khả năng áp dụng và đạt được mục đích đã đặt ra của giải pháp kỹ thuật, và phải chỉ ra các kết quả cụ thể liên quan đến việc thực hiện giải pháp kỹ thuật).

(ii) Đối với *sáng chế dạng cơ cấu*: Thí sinh phải nêu rõ các nội dung sau đây:

- + Mô tả các đặc điểm theo kết cấu (ở trạng thái tĩnh) dựa vào các chỉ số trên hình vẽ;

+ Mô tả sự hoạt động của cơ cấu hoặc phương pháp sử dụng cơ cấu bằng cách chỉ ra trình tự làm việc, hoặc sự tương tác các chi tiết cấu thành cơ cấu đó.

(iii) Đối với *sáng chế dạng phương pháp*: Thí sinh phải nêu rõ các nội dung sau đây:

+ Mô tả trình tự thực hiện các công đoạn;

+ Mô tả điều kiện cụ thể để thực hiện từng công đoạn;

+ Ví dụ thực hiện (đưa ra ít nhất một phương án tối ưu nhằm chứng minh khả năng áp dụng và đạt được mục đích đã đặt ra của giải pháp kỹ thuật, và phải chỉ ra các kết quả cụ thể liên quan đến việc thực hiện giải pháp kỹ thuật).

(0,25đ)

2.6. Mô tả vắn tắt các hình vẽ: Theo Quy định 308/ĐK.

(0,25đ)

3. **Bản tóm tắt** đối với từng đối tượng phải gồm có đầy đủ các nội dung sau đây:

(i) Lĩnh vực kỹ thuật được đề cập và Mục đích của giải pháp kỹ thuật; **(0,25đ)**

(ii) Bản chất của giải pháp kỹ thuật (Các dấu hiệu cơ bản). **(0,25đ)**

ĐỀ BÀI KIỂM TRA SỐ 2
MÔN: SÁNG CHẾ - GIẢI PHÁP HỮU ÍCH
(Thời gian làm bài: 180 phút)

I. Phần Lý thuyết (5 điểm)

1. Anh (Chị) hãy cho biết Người nộp Đơn sáng chế/giải pháp hữu ích có thể phải gửi những loại công văn nào cho Cục Sở hữu công nghiệp kể từ thời điểm nộp Đơn đến khi được cấp Văn bằng bảo hộ sáng chế/giải pháp hữu ích? (0,5 điểm)

2. Anh (Chị) hãy nêu các dữ kiện chính của từng loại Công văn nói trên? (2,5 điểm)

3. Anh (Chị) hãy nêu tất cả các thiếu sót về hình thức (kèm theo căn cứ pháp lý) trong Đơn sáng chế sau đây (Phụ lục 1) khiến cho Đơn bị coi là không hợp lệ? (2 điểm)

II. Phần Thực hành (5 điểm)

1. Anh (Chị) hãy lập 3 bản Yêu cầu bảo hộ sáng chế cho từng đối tượng dạng chất, cơ cấu và phương pháp dựa vào các Tình huống sau đây (Phụ lục số 2)? (3 điểm)

2. Anh (Chị) hãy lập Bản mô tả sáng chế cho 1 trong 3 đối tượng nêu ở câu hỏi II.1. trên đây? (1,5 điểm)

3. Anh (Chị) hãy lập Bản tóm tắt sáng chế cho 1 đối tượng được chọn ở câu hỏi II.2. nêu trên? (0,5 điểm)

ĐÁP ÁN ĐỀ BÀI KIỂM TRA SỐ 2
MÔN: SÁNG CHẾ - GIẢI PHÁP HỮU ÍCH

I. Phần Lý thuyết (5 điểm)

1. Kể từ thời điểm nộp Đơn đến khi được cấp Văn bằng bảo hộ sáng chế/giải pháp hữu ích, Người nộp Đơn sáng chế/giải pháp hữu ích có thể phải gửi các loại công văn sau đây cho Cục Sở hữu công nghiệp:

1.1. Công văn về việc bổ sung các tài liệu được phép nộp muộn theo quy định tại điểm 6.2 Thông tư 3055/TT-SHCN (31.12.1996);

1.2. Công văn trả lời Thông báo từ chối chấp nhận Đơn;

1.3. Công văn yêu cầu công bố Đơn trước thời hạn (kèm theo Tờ khai Yêu cầu công bố đơn trước thời hạn, nếu có);

1.4. Công văn yêu cầu hưởng quyền ưu tiên (kèm theo Tờ khai Yêu cầu cấp bằng độc quyền sáng chế, nếu có);

1.5. Công văn trả lời Thông báo kết quả xét nghiệm hình thức Đơn;

(0,25đ)

1.6. Công văn yêu cầu xét nghiệm nội dung (kèm theo Tờ khai Yêu cầu cấp bằng độc quyền sáng chế hoặc Tờ khai Yêu cầu xét nghiệm nội dung, nếu có);

1.7. Công văn về việc sửa đổi, bổ sung tài liệu trong thời hạn xét nghiệm nội dung;

1.8. Công văn trả lời Thông báo yêu cầu sửa đổi, bổ sung tài liệu trong thời hạn xét nghiệm nội dung;

1.9. Công văn trả lời Thông báo kết quả xét nghiệm nội dung Đơn;

1.10. Công văn yêu cầu gia hạn thời gian trả lời Thông báo của Cục Sở hữu công nghiệp hoặc gia hạn thời gian sửa đổi, bổ sung tài liệu.

(0,25đ)

2. Các dữ kiện chính của từng loại công văn:

2.1. Công văn về việc bổ sung các tài liệu được phép nộp muộn theo quy định tại điểm 6.2 Thông tư 3055/TT-SHCN (31.12.1996): Tên, địa chỉ Người nộp đơn; Tên Tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp (nếu Đơn được nộp thông qua Tổ chức đó); Tên đối tượng nêu trong Đơn; Số Đơn; Ngày nộp đơn hợp lệ; Ngày ưu tiên; Danh mục các tài liệu bổ sung; Tên, chữ ký của Người nộp đơn/Đại diện; Số, ngày ký công văn; **(0,25đ)**

2.2. Công văn trả lời Thông báo từ chối chấp nhận Đơn: Tên, địa chỉ Người nộp đơn; Tên Tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp (nếu Đơn được nộp thông qua Tổ chức đó); Tên đối tượng nêu trong Đơn; Số Đơn; Ngày nộp đơn hợp lệ; Ngày ưu tiên; Nội dung giải trình biện pháp khắc phục thiếu sót; Tên, chữ ký của Người nộp đơn/Đại diện; Số, ngày ký công văn; Danh mục các tài liệu sửa đổi, bổ sung kèm theo; **(0,25đ)**

2.3. Công văn yêu cầu công bố Đơn trước thời hạn (kèm theo Tờ khai Yêu cầu công bố đơn trước thời hạn, nếu có): Tên, địa chỉ Người nộp đơn; Tên Tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp (nếu Đơn được nộp thông qua Tổ chức đó); Tên đối tượng nêu trong Đơn; Số Đơn; Ngày nộp đơn hợp lệ; Ngày ưu tiên; Nội dung yêu cầu công bố đơn trước thời hạn; Tên, chữ ký của Người nộp đơn/Đại diện; Số, ngày ký công văn; Danh mục các tài liệu kèm theo; **(0,25đ)**

2.4. Công văn yêu cầu hưởng quyền ưu tiên (kèm theo Tờ khai Yêu cầu cấp bằng độc quyền sáng chế, nếu có): Tên, địa chỉ Người nộp đơn; Tên Tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp (nếu Đơn được nộp thông qua Tổ chức đó); Tên đối tượng nêu trong Đơn; Số Đơn; Ngày nộp đơn hợp lệ; Ngày ưu tiên; Nội dung yêu cầu hưởng quyền ưu

tiên; Các chỉ dẫn liên quan đến quyền ưu tiên; Tên, chữ ký của Người nộp đơn/Đại diện; Số, ngày ký công văn; Danh mục các tài liệu làm căn cứ để yêu cầu hưởng quyền ưu tiên; **(0,25đ)**

2.5. Công văn trả lời Thông báo kết quả xét nghiệm hình thức Đơn: Tên, địa chỉ Người nộp đơn; Tên Tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp (nếu Đơn được nộp thông qua Tổ chức đó); Tên đối tượng nêu trong Đơn; Số Đơn; Ngày nộp đơn hợp lệ; Ngày ưu tiên; Nội dung giải trình biện pháp khắc phục thiếu sót; Tên, chữ ký của Người nộp đơn/Đại diện; Số, ngày ký công văn; Danh mục các tài liệu sửa đổi, bổ sung kèm theo; **(0,25đ)**

2.6. Công văn yêu cầu xét nghiệm nội dung (kèm theo Tờ khai Yêu cầu cấp Bằng độc quyền sáng chế/giải pháp hữu ích hoặc Tờ khai Yêu cầu xét nghiệm nội dung, nếu có): Tên, địa chỉ Người nộp đơn; Tên Tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp (nếu Đơn được nộp thông qua Tổ chức đó); Tên đối tượng nêu trong Đơn; Số Đơn; Ngày nộp đơn hợp lệ; Ngày ưu tiên; Yêu cầu xét nghiệm nội dung; Tên, chữ ký của Người nộp đơn/Đại diện; Số, ngày ký công văn; **(0,25đ)**

2.7. Công văn về việc sửa đổi, bổ sung tài liệu trong thời hạn xét nghiệm nội dung: Tên, địa chỉ Người nộp đơn; Tên Tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp (nếu Đơn được nộp thông qua Tổ chức đó); Tên đối tượng nêu trong Đơn; Số Đơn; Ngày nộp đơn hợp lệ; Ngày ưu tiên; Nội dung giải trình về việc sửa đổi, bổ sung tài liệu; Tên, chữ ký của Người nộp đơn/Đại diện; Số, ngày ký công văn; Danh mục các tài liệu sửa đổi, bổ sung kèm theo; **(0,25đ)**

2.8. Công văn trả lời Thông báo yêu cầu sửa đổi, bổ sung tài liệu trong thời hạn xét nghiệm nội dung: Tên, địa chỉ Người nộp đơn; Tên Tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp (nếu Đơn được nộp thông qua Tổ chức đó); Tên đối tượng nêu trong Đơn; Số Đơn; Ngày nộp đơn hợp lệ; Ngày ưu tiên; Nội dung giải trình về việc sửa đổi, bổ sung tài liệu; Tên, chữ ký của Người nộp đơn/Đại diện; Số, ngày ký công văn; Danh mục các tài liệu sửa đổi, bổ sung kèm theo; **(0,25đ)**

2.9. Công văn trả lời Thông báo kết quả xét nghiệm nội dung Đơn: Tên, địa chỉ Người nộp đơn; Tên Tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp (nếu Đơn được nộp thông qua Tổ chức đó); Tên đối tượng nêu trong Đơn; Số Đơn; Ngày nộp đơn hợp lệ; Ngày ưu tiên; Ý kiến trả lời Thông báo kết quả xét nghiệm nội dung; Tên, chữ ký của Người nộp đơn/Đại diện; Số, ngày ký công văn; Danh mục các tài liệu sửa đổi, bổ sung kèm theo, nếu có; **(0,25đ)**

2.10. Công văn yêu cầu gia hạn thời gian trả lời Thông báo của Cục Sở hữu công nghiệp hoặc gia hạn thời gian sửa đổi, bổ sung tài liệu: Tên, địa chỉ Người nộp đơn; Tên Tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp (nếu Đơn được nộp thông qua Tổ chức đó); Tên đối tượng nêu trong Đơn; Số Đơn; Ngày nộp đơn hợp lệ; Ngày ưu tiên; Yêu cầu gia hạn thời gian trả lời; Thời điểm gia hạn; Tên, chữ ký của Người nộp đơn/Đại diện; Số, ngày ký công văn. **(0,25đ)**

3. Các thiếu sót về hình thức (kèm theo căn cứ pháp lý) trong Đơn sáng chế khiến cho Đơn bị coi là không hợp lệ:

(i) Tờ khai:

- Bản sao Tờ khai chưa được xác nhận hợp pháp theo quy định tại điểm 2.2 Thông tư 3055/TT-SHCN ngày 31.12.1996;

- Thiếu 2 bản Tờ khai (trái với quy định tại điểm 6.1.(i) Thông tư 3055/TT-SHCN ngày 31.12.1996);

- Tờ khai không có đủ thông tin về tác giả

(0,25đ)

(ii) Bản mô tả sáng chế:

- Thiếu 03 Bản mô tả sáng chế (trái với quy định tại điểm 6.1.(ii) 3055/TT-SHCN ngày 31.12.1996);

(0,25đ)

(iii) Yêu cầu bảo hộ:

- Thiếu 03 bản Yêu cầu bảo hộ 44 điểm như nêu trong Tờ khai (trái với quy định tại điểm 6.1.(iii) Thông tư 3055/TT-SHCN ngày 31.12.1996);

- Thiếu bản dịch các bản Yêu cầu bảo hộ (bản gốc và bản sửa đổi) sang tiếng Việt (trái với quy định tại điểm 23.5.(ii) Thông tư 3055/TT-SHCN ngày 31.12.1996);

- Người nộp đơn không bổ sung bản dịch các bản Yêu cầu bảo hộ trong thời hạn quy định tại điểm 6.2.(i) Thông tư 3055/TT-SHCN ngày 31.12.1996;

(0,25đ)

(iv) Thiếu 03 bộ bản vẽ, sơ đồ... để làm rõ bản chất của giải pháp kỹ thuật;

(0,25đ)

(v) Bản tóm tắt sáng chế:

- Thiếu 02 Bản tóm tắt sáng chế bằng tiếng Anh (trái với quy định tại điểm 6.1.(v) Thông tư 3055/TT-SHCN ngày 31.12.1996);

- Thiếu bản dịch Bản tóm tắt sang tiếng Việt (trái với quy định tại điểm 6.2.(i) Thông tư 3055/TT-SHCN ngày 31.12.1996);

- Người nộp đơn không bổ sung bản dịch Bản tóm tắt trong thời hạn quy định tại điểm 6.2.(i) Thông tư 3055/TT-SHCN ngày 31.12.1996;

(0,25đ)

(vi) Giấy uỷ quyền:

- Thiếu bản gốc Giấy uỷ quyền (trái với quy định tại điểm 6.2.(ii) Thông tư 3055/TT-SHCN ngày 31.12.1996);

- Người nộp đơn không bổ sung bản gốc Giấy uỷ quyền trong thời hạn quy định tại điểm 6.2.(ii) Thông tư 3055/TT-SHCN ngày 31.12.1996;

(0,25đ)

(vii) Thiếu 01 bản sao đơn đầu tiên ;

(0,25đ)

(viii) Thiếu bản dịch ra tiếng Việt của Báo cáo xét nghiệm sơ bộ quốc tế (trái với quy định tại điểm 23.5.(iii) Thông tư 3055/TT-SHCN ngày 31.12.1996);

(0,25đ)

II. Phân Thực hành (5 điểm)

1. **Yêu cầu bảo hộ** sáng chế đối với từng đối tượng phải được thí sinh thể hiện theo nguyên tắc sau đây:

- Mỗi yêu cầu bảo hộ phải được thí sinh viết thành một câu;

- Mỗi câu (yêu cầu bảo hộ) phải gồm có tên đối tượng (**0,25đ**); tập hợp các dấu hiệu đã biết (**0,25đ**) và các dấu hiệu khác biệt (**0,25đ**) cần và đủ để xác định đối tượng; mục đích của đối tượng (**0,25đ**).

(Tổng cộng: 3 điểm/3 Yêu cầu bảo hộ)

2. **Bản mô tả** sáng chế đối với từng đối tượng phải gồm có đầy đủ các nội dung sau đây:

2.1. Tên sáng chế: Đặt theo quy định tại điểm 5.e) Quy định số 308/ĐK ngày 11.06.1997 của Cục Sở hữu công nghiệp (Quy định 308/ĐK);

(0,25đ)

2.2. Lĩnh vực kỹ thuật được đề cập: Theo Quy định 308/ĐK;

(0,25đ)

2.3. Tình trạng kỹ thuật của sáng chế:

(i) Nêu tóm tắt bản chất và chỉ ra nhược điểm, hạn chế của giải pháp kỹ thuật đã biết;

(ii) Phân tích nhược điểm, hạn chế (chỉ ra nguyên nhân dẫn đến nhược điểm, hạn chế) của giải pháp kỹ thuật đã biết.

(0,25đ)

2.4. Bản chất kỹ thuật của sáng chế:

(i) Nêu rõ mục đích mà sáng chế cần đạt tới hoặc vấn đề mà sáng chế cần giải quyết;

(ii) Nêu rõ bản chất của giải pháp kỹ thuật bằng cách chỉ ra các dấu hiệu cơ bản của giải pháp kỹ thuật (theo Quy định 308/ĐK):

- Nêu được các dấu hiệu cơ bản của *sáng chế dạng chất* là:

+ tên các hợp phân tạo thành chất;

+ hàm lượng các hợp phân tạo thành chất;

+ phương pháp để thu được chất có các hợp phân nói trên;

+ đặc tính khác biệt để nhận dạng chất.

- Nêu được các dấu hiệu cơ bản của *sáng chế dạng cơ cấu* là:

+ tên chi tiết;

+ chức năng của chi tiết;

+ hình dạng của chi tiết;

+ cách liên kết các (cụm) chi tiết.

- Nêu được các dấu hiệu cơ bản của *sáng chế dạng phương pháp* là:

+ tên các công đoạn;

+ trình tự thực hiện các công đoạn;

+ các điều kiện kỹ thuật (nhiệt độ, áp suất, thời gian, chất xúc tác...) nhằm thực hiện các công đoạn;

(iii) Chỉ rõ các dấu hiệu cơ bản có tính mới so với giải pháp kỹ thuật có bản chất gần nhất.

(0,25đ)

2.5. Mô tả chi tiết sáng chế: Theo Quy định 308/ĐK

(i) Đối với *sáng chế dạng chất*: Thí sinh phải nêu rõ các nội dung sau đây:

+ Thành phần hoá học;

+ Tỷ lệ của các thành phần;

- + Tính chất của các thành phần;
- + Tác dụng của các thành phần;
- + Tác dụng của chất;
- + Phương pháp thu được chất;
- + Ví dụ thực hiện (đưa ra ít nhất một phương án tối ưu nhằm chứng minh khả năng áp dụng và đạt được mục đích đã đặt ra của giải pháp kỹ thuật, và phải chỉ ra các kết quả cụ thể liên quan đến việc thực hiện giải pháp kỹ thuật).

(ii) Đối với *sáng chế dạng cơ cấu*: Thí sinh phải nêu rõ các nội dung sau đây:

- + Mô tả các đặc điểm theo kết cấu (ở trạng thái tĩnh) dựa vào các chỉ số trên hình vẽ;
- + Mô tả sự hoạt động của cơ cấu hoặc phương pháp sử dụng cơ cấu bằng cách chỉ ra trình tự làm việc, hoặc sự tương tác các chi tiết cấu thành cơ cấu đó.

(iii) Đối với *sáng chế dạng phương pháp*: Thí sinh phải nêu rõ các nội dung sau đây:

- + Mô tả trình tự thực hiện các công đoạn;
- + Mô tả điều kiện cụ thể để thực hiện từng công đoạn;
- + Ví dụ thực hiện (đưa ra ít nhất một phương án tối ưu nhằm chứng minh khả năng áp dụng và đạt được mục đích đã đặt ra của giải pháp kỹ thuật, và phải chỉ ra các kết quả cụ thể liên quan đến việc thực hiện giải pháp kỹ thuật).

(0,25đ)

2.6. Mô tả vắn tắt các hình vẽ: Theo Quy định 308/ĐK.

(0,25đ)

3. **Bản tóm tắt** đối với từng đối tượng phải gồm có đầy đủ các nội dung sau đây:

(i) Lĩnh vực kỹ thuật được đề cập và Mục đích của giải pháp kỹ thuật; **(0,25đ)**

(iii) Bản chất của giải pháp kỹ thuật (Các dấu hiệu cơ bản). **(0,25đ)**

ĐỀ BÀI KIỂM TRA SỐ 3
MÔN: SÁNG CHẾ - GIẢI PHÁP HỮU ÍCH

(Thời gian làm bài: 180 phút)

Câu 1 (Lý thuyết) (5 điểm)

Anh/Chị hãy trình bày những điểm mới (sửa đổi, bổ sung) liên quan đến xét nghiệm nội dung của Thông tư số 30/2003/TT-BKHCN ngày 05.11.2003 so với Thông tư số 3055/TT-SHCN ngày 31.12.1996 về các nội dung sau đây:

- a) Yêu cầu xét nghiệm
- b) Lệ phí

- c) Sử dụng thông tin
- d) Yêu cầu sửa chữa thiếu sót
- e) Đình chỉ
- f) Thời hạn

Câu 2 (Thực hành) (5 điểm)

Anh/Chị hãy lập Bản mô tả (Phần mô tả, Yêu cầu bảo hộ, Hình vẽ và Bản tóm tắt cho đối tượng sau (Tình huống A-19).

A-19

Theo nguyên tắc, các bốt lợi nước được chế tạo cùng một cỡ. Do đó, đối với thợ lặn chúng quá lớn, còn đối với người khác thì lại quá nhỏ, gây cho thợ lặn những bất tiện nhất định. Ngoài ra, các bốt này không đủ khả năng bảo vệ bít tất dài của bộ áo liền quần khiến cho bít tất bị hỏng hoặc mòn sớm.

Hình A-7

Bốt lợi nước được đề xuất (Hình A-7) khắc phục được những nhược điểm nói trên do có phần mũi di động (2) cùng với rãnh dọc (5) được chế tạo bằng cách đập. Vít hạn chế (6) xuyên qua rãnh (5), cố định phần mũi so với phần sau tương ứng với các cỡ chân. Phần sau được đúc bằng gang cùng với đế (1). Bốt có lớp lót (3) bằng đồng thau hoặc đù-ra và được giữ chặt nhờ dây đai (4).

ĐÁP ÁN ĐỀ BÀI KIỂM TRA SỐ 3
MÔN: SÁNG CHẾ - GIẢI PHÁP HỮU ÍCH

Câu 1 (Lý thuyết) (5 điểm)

Trình bày những điểm mới (sửa đổi, bổ sung) liên quan đến xét nghiệm nội dung của Thông tư số 30/2003/TT-BKHHCN ngày 05.11.2003 so với Thông tư số 3055/TT-SHCN ngày 31.12.1996:

a) Yêu cầu xét nghiệm (điểm 21.1): **(0,25)**

Được kéo dài thời hạn nộp yêu cầu xét nghiệm nội dung **(0,25)** (nhưng không quá 6 tháng) **(0,25)** và người nộp đơn phải nộp phí gia hạn (nộp muộn) **(0,25)**

b) Lệ phí (điểm 21.1): **(0,25)**

Lệ phí xét nghiệm nội dung được tách thành phí tra cứu và phí xét nghiệm nội dung **(0,25)**

c) Sử dụng thông tin (điểm 23, điểm 34.2): **(0,25)**

- Bổ sung quy định về trách nhiệm tra cứu thông tin trong nguồn thông tin tối thiểu của Cục SHTT khi tiến hành xét nghiệm nội dung **(0,25)**;

- Bổ sung quy định về nguồn thông tin tối thiểu; **(0,25)**

- Bổ sung quy định về sử dụng các tài liệu do người nộp đơn cung cấp phục vụ cho việc xét nghiệm nội dung. **(0,25)**

d) Yêu cầu sửa chữa thiếu sót (điểm 25) **(0,25)**

- Bổ sung nội dung điểm 25.2 **(0,25)**

- Bổ sung nội dung điểm 25.3 **(0,25)**

e) Đình chỉ (điểm 26) **(0,25)**

Bổ sung quy định về việc đình chỉ xét nghiệm nội dung trong các trường hợp:

- Nội dung điểm 26.1.a) **(0,25)**

- Nội dung điểm 26.1.b) **(0,25)**

- Nội dung điểm 26.1.c) **(0,25)**

f) Thời hạn (điểm 30) **(0,25)**

Sửa đổi thời hạn xét nghiệm nội dung: 12 tháng (điểm 30.1) **(0,25)**; trong trường hợp sửa chữa, bổ sung tài liệu: thêm 1 tháng (điểm 30.2) **(0,25)**.

Câu 2 (Thực hành) (5 điểm)

Lập Bản mô tả (Phần mô tả, Yêu cầu bảo hộ, Hình vẽ và Bản tóm tắt cho đối tượng sau (Tình huống A-19):

Bản mô tả sáng chế

I. Phần mô tả

1. Tên sáng chế **(0,25)**

2. Lĩnh vực kỹ thuật trong đó sáng chế được sử dụng **(0,25)**

3. Tình trạng kỹ thuật của lĩnh vực nói trên tại thời điểm nộp đơn **(0,25)**

4. Bản chất kỹ thuật của sáng chế

- Mục đích **(0,25)**

- Dấu hiệu (đặc điểm) mới **(0,25)**

5. Hình vẽ hoặc mô tả vắn tắt hình vẽ **(0,25)**

6. Mô tả chi tiết phương án thực hiện sáng chế (1,25)

7. Ví dụ thực hiện sáng chế **(0,25)**

II. Yêu cầu bảo hộ (1,75 điểm)

III. Bản tóm tắt: Bản chất kỹ thuật của sáng chế (0,25)

ĐỀ BÀI KIỂM TRA SỐ 4
MÔN: SÁNG CHẾ - GIẢI PHÁP HỮU ÍCH

(Thời gian làm bài: 180 phút)

Câu 1 (Lý thuyết) (5 điểm)

Anh/Chị hãy trình bày những điểm mới (sửa đổi, bổ sung) liên quan đến xét nghiệm nội dung của Thông tư số 30/2003/TT-BKHCN ngày 05.11.2003 so với Thông tư số 3055/TT-SHCN ngày 31.12.1996 theo các nội dung sau đây:

- a) Yêu cầu xét nghiệm
- b) Lệ phí
- c) Sử dụng thông tin
- d) Yêu cầu sửa chữa thiếu sót
- e) Đình chỉ
- f) Thời hạn

Câu 2 (Thực hành) (5 điểm)

Anh/Chị hãy lập Bản mô tả (Phân mô tả, Yêu cầu bảo hộ, Hình vẽ và Bản tóm tắt) cho đối tượng sau (Tình huống A-10).

Tình huống A-10

Đã biết kẹp dùng cho tờ tranh áp phích, kẹp này gồm một bản mỏng và lò xo lá có một đầu được gắn cố định vào bản mỏng này, còn đầu kia được bẻ cong ra ngoài.

Kẹp được đề xuất (Hình A-10) khác biệt với kẹp đã biết ở chỗ, kẹp này có một chi tiết quay được, như viên bi (3) chẳng hạn, được đặt ở giữa bản mỏng (1) và lò xo lá (2) và nằm ở trong rãnh của lò xo lá này. Sự khác biệt đó làm giảm sự mài mòn của tờ tranh áp phích được kẹp giữa bản mỏng và lò xo lá.

Hình A-10

Bản mỏng (1) được gá chặt vào bảng (không minh họa trên hình vẽ). Tờ tranh áp phích được đưa vào giữa bản mỏng (1) và lò xo lá (2), được giữ nhờ viên bi tiếp xúc với tờ tranh áp phích.

ĐÁP ÁN ĐỀ BÀI KIỂM TRA SỐ 4
MÔN: SÁNG CHẾ - GIẢI PHÁP HỮU ÍCH

Câu 1 (Lý thuyết) (5 điểm)

Trình bày những điểm mới (sửa đổi, bổ sung) liên quan đến xét nghiệm nội dung của Thông tư số 30/2003/TT-BKHHCN ngày 05.11.2003 so với Thông tư số 3055/TT-SHCN ngày 31.12.1996:

a) Yêu cầu xét nghiệm (điểm 21.1): **(0,25)**

Được kéo dài thời hạn nộp yêu cầu xét nghiệm nội dung **(0,25)** (nhưng không quá 6 tháng) **(0,25)** và người nộp đơn phải nộp phí gia hạn (nộp muộn) **(0,25)**

b) Lệ phí (điểm 21.1): **(0,25)**

Lệ phí xét nghiệm nội dung được tách thành phí tra cứu và phí xét nghiệm nội dung **(0,25)**

c) Sử dụng thông tin (điểm 23, điểm 34.2): **(0,25)**

- Bổ sung quy định về trách nhiệm tra cứu thông tin trong nguồn thông tin tối thiểu của Cục SHTT khi tiến hành xét nghiệm nội dung **(0,25)**;

- Bổ sung quy định về nguồn thông tin tối thiểu; **(0,25)**

- Bổ sung quy định về sử dụng các tài liệu do người nộp đơn cung cấp phục vụ cho việc xét nghiệm nội dung. **(0,25)**

d) Yêu cầu sửa chữa thiếu sót (điểm 25) **(0,25)**

- Bổ sung nội dung điểm 25.2 **(0,25)**

- Bổ sung nội dung điểm 25.3 **(0,25)**

e) Đình chỉ (điểm 26) **(0,25)**

Bổ sung quy định về việc đình chỉ xét nghiệm nội dung trong các trường hợp:

- Nội dung điểm 26.1.a) **(0,25)**

- Nội dung điểm 26.1.b) **(0,25)**

- Nội dung điểm 26.1.c) **(0,25)**

f) Thời hạn (điểm 30) **(0,25)**

Sửa đổi thời hạn xét nghiệm nội dung: 12 tháng (điểm 30.1) **(0,25)**; trong trường hợp sửa chữa, bổ sung tài liệu: thêm 1 tháng (điểm 30.2) **(0,25)**.

Câu 2 (Thực hành) (5 điểm)

Lập Bản mô tả (Phần mô tả, Yêu cầu bảo hộ, Hình vẽ và Bản tóm tắt cho đối tượng sau (Tình huống A-10):

Bản mô tả sáng chế

I. Phần mô tả

8. Tên sáng chế: **(0,25)** Kẹp dùng cho tờ tranh áp phích (*Lưu ý: nếu tên sáng chế bộc lộ bản chất của sáng chế thì không cho điểm*).

9. Lĩnh vực kỹ thuật trong đó sáng chế được sử dụng: **(0,25)**

Sáng chế thuộc lĩnh vực quảng cáo, cụ thể là đề cập đến vật dụng để kẹp tờ tranh áp phích.

(*Lưu ý: nếu nêu được cả lĩnh vực chung và lĩnh vực cụ thể mới cho điểm, nếu thiếu một trong hai yếu tố này thì không cho điểm*).

10. Tình trạng kỹ thuật của lĩnh vực nói trên tại thời điểm nộp đơn: **(0,25)** (*Lưu ý: nếu nêu được cả kết cấu và nhược điểm của giải pháp đã biết mới cho điểm, nếu thiếu một trong hai yếu tố này thì không cho điểm*).

Đã biết kẹp dùng cho tờ tranh áp phích gồm có một bản mỏng và lò xo lá có một đầu được gắn cố định vào bản mỏng này và đầu kia được bẻ cong ra ngoài.

Nhược điểm của kẹp này là do việc gắn cố định của lò xo lá vào bản mỏng nên dưới tác động của gió, tờ tranh áp phích được kẹp vào đó sẽ bị mài mòn do bị tiếp xúc trực tiếp với lò xo. Kết quả là, tờ tranh này sẽ bị xộc xệch và rơi dần ra khỏi kẹp.

11. Bản chất kỹ thuật của sáng chế:

- Mục đích: **(0,25)** Mục đích của sáng chế là tránh cho tờ tranh không bị xộc xệch và rơi do bị mài mòn.

(Lưu ý: nếu mục đích này nhằm khắc phục nhược điểm nêu tại phần tình trạng kỹ thuật của sáng chế thì mới cho điểm, nếu không thì không cho điểm).

- Dấu hiệu (đặc điểm) mới: Để đạt được mục đích nêu trên, kẹp có thêm một chi tiết quay được và được đặt giữa bản mỏng và lò xo lá **(0,25)**.

Tốt hơn, nếu chi tiết quay được là một viên bi **(0,25)**.

Tốt hơn là, viên bi nằm trong rãnh của lò xo lá **(0,25)**.

(Lưu ý: nếu bản chất của sáng chế nêu tại phần này phù hợp với điểm 1 của Yêu cầu bảo hộ thì mới cho điểm, nếu không thì không cho điểm).

12. Hình vẽ: **(0,25)** Hình vẽ kèm theo thể hiện kẹp dùng cho tờ tranh áp phích theo sáng chế.

13. Mô tả chi tiết phương án thực hiện sáng chế

Kẹp dùng cho tờ tranh áp phích theo sáng chế bao gồm bản mỏng 1 và lò xo lá 2 có một đầu được bẻ cong ra ngoài, còn đầu kia được gắn cố định với bản mỏng 1. Một chi tiết quay được, như viên bi 3 chẳng hạn, được đặt giữa bản mỏng 1 và lò xo lá 2, trong đó viên bi này nằm trong rãnh của lò xo lá 2. **(0,25)**

Ví dụ (cách thức) thực hiện sáng chế **(1)**:

Kẹp này được sử dụng như sau: Bản mỏng 1 được gá chặt vào bảng (không minh hoạ trên hình vẽ). Tờ tranh áp phích được đưa vào giữa bản mỏng 1 và lò xo lá 2 bằng cách kéo đầu được bẻ cong ra ngoài, sau đó thả đầu được bẻ cong ra, tờ tranh áp phích sẽ được giữ nhờ viên bi tiếp xúc với nó **(0,25)**.

Nhờ có viên bi này, tờ tranh áp phích không tiếp xúc trực tiếp với lò xo lá 2 **(0,25)** mà tiếp xúc gián tiếp với lò xo thông qua viên bi 3, do đó sẽ làm giảm độ mài mòn của tờ tranh **(0,25)**. Kết quả là, tờ tranh áp phích không bị xộc xệch và rơi dần ra do tác động của gió **(0,25)**.

II. Yêu cầu bảo hộ **(1,5)**

1. Kẹp dùng cho tờ tranh áp phích gồm một bản mỏng (1) và lò xo lá (2) có một đầu được bẻ cong ra ngoài, còn đầu kia được gắn cố định với bản mỏng (1), khác biệt ở chỗ, với mục đích làm giảm độ mài mòn của tờ tranh được kẹp vào nó **(0,25)**, kẹp có thêm một chi tiết quay được (3) được đặt ở giữa bản mỏng (1) và lò xo lá (2) **(0,25)**.

2. Kẹp theo điểm 1 **(0,25)**, khác biệt ở chỗ, chi tiết quay được (3) là một viên bi **(0,25)**.

3. Kẹp theo điểm 1 **(0,25)**, khác biệt ở chỗ, chi tiết quay được (3) nằm trong rãnh của lò xo lá (2) **(0,25)**.

(Lưu ý: điểm đọc lập cho 0,5 điểm nếu nêu được kết cấu giống với kết cấu trên đây)

III. Bản tóm tắt: **(0,25)**

Sáng chế thuộc lĩnh vực quảng cáo, cụ thể là đề cập đến kẹp dùng cho tờ tranh áp phích. Với mục đích làm giảm độ mài mòn của tờ tranh được kẹp vào nó, kẹp gồm một bản mỏng (1) gắn cố định với lò xo lá (2) có một đầu được bẻ cong và có thêm một chi tiết quay được (3) nằm giữa bản mỏng (1) và lò xo lá (2).

[Công bố hình vẽ]

(Lưu ý: nếu tóm tắt không thể hiện bản chất của giải pháp (giống điểm 1 của yêu cầu bảo hộ) hoặc thiếu phân dẫn chiếu đến hình vẽ thì không cho điểm)